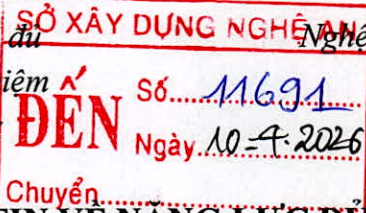


Số: 12/2026/QĐ-CNC

Về việc: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng



CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An;
Chủ đầu tư; Ban quản lý dự án; Tư vấn thiết kế; Tư vấn giám sát; Nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ công văn số 1882/SXD-KHCN&VLXD ngày 18/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An về việc triển khai thực hiện quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ CNC công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực:

1.1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ CNC

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp số 2902134319 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 10/03/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/01/2025.

Địa chỉ: số 19, ngõ 25, đường Trần Nhật Duật, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện pháp luật: PHAN XUÂN THUÝ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Điện thoại: 0941 972688/ 0915 245650

Email: tvncnghean@gmail.com

Website: <https://sites.google.com/view/tvncnghean/trang-ch%E1%BB%A7?authuser=0>

Mã số thuế: 2902134319

1.2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm kiểm định chất lượng CNC

Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1903

Địa chỉ: số 19, ngõ 25, đường Trần Nhật Duật, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

Giám đốc kiêm Trưởng phòng thí nghiệm: Nguyễn Văn Danh

Điện thoại: 0943 178288/ 0982 254488

Website: <https://sites.google.com/view/tvcncghean/trang-ch%E1%BB%A7?authuser=0>

Email: tvcncghean@gmail.com

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình LAS-XD1903 do Bộ Xây dựng cấp giấy chứng nhận số: 176/GCN-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2022)

1.3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường

- **Tên trạm thí nghiệm hiện trường:** Trạm thí nghiệm hiện trường, dự án Khu công nghiệp WHA SMART TECHNOLOGY Thanh Hoá.

- Địa điểm: Số nhà 76, Quốc lộ 10, thôn Cự Đà, xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, nay là phường Nguyệt Viên, tỉnh Thanh Hoá.

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị máy móc, dụng cụ thí nghiệm
I.	XI MĂNG		
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023 ASTM C188, C184, C204, AASHTO T133, T153, T192 ; BS EN 196-6;	Tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng độ mịn, khay nhôm, chổi lông, dụng cụ lấy mẫu
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109, C348, C349; AASHTO T106; BS EN 196-1;	Máy nén uốn Xi măng 300Kn, Khuôn đúc mẫu 40x40x160mm, Ghá uốn mẫu, Ghá nén mẫu, Cân kỹ thuật, máy dẫn vữa, bàn dẫn vữa, máy trộn, chảo trộn vữa, bay sắt...
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 10653:2015 ; ASTM C191, C187 ; AASHTO T131, T129; BS EN 196-3;	Cân Kỹ thuật, bộ Kim vi cat + khuôn chưa mẫu, tấm kính, dao gạt mẫu, đồng hồ bấm dây, Máy trộn vữa, chảo trộn vữa, Khuôn La sơ tier, Tủ dưỡng mẫu, phòng dưỡng mẫu, tủ sấy, cân kỹ thuật

II.	BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG		
4.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ; ASTM C143 ; AASHTO T119 ;BS EN 12350-2 ;	Bộ côn chày Inox, bay thép, thước thép, khay tôn, ca xúc mẫu
5.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993 ; ASTM C138 ; AASHTO T121 ;BS EN 12350-6 ;	Cân Kỹ thuật, thùng thể tích Thước gạt, que đầm...
6.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 3112:2022 ; TCVN 3113:2022 ; TCVN 3115:2022 ; ASTM C642 BS EN 12390-7	Cân Kỹ thuật, thước đo, Thùng ngâm mẫu, rọ cân trong nước...
7.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022 ; ASTM C39, C42 ; AASHTO T22, T24, T140 ; BS EN 12390-3, 12504-1 ; AS 1012.9	Máy nén bê Tông 2000KN, khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, thước thép
8.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022 ; ASTM C293, C78 ; AASHTO T97,T177 ; BS EN 12390-5	Máy nén bê Tông 2000KN, khuôn đúc mẫu 150x150x600mm, thước thép, Gối uốn theo tiêu chuẩn.
9.	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp Bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1064 ; AASHTO T309	Nhiệt kế thủy tinh 100oc, ca xúc mẫu, thùng đựng mẫu
10.	Thí nghiệm mẫu bê tông lấy từ cấu kiện	TCVN 14524:2025; ASTM C42:AASHTO T24	Máy cắt bê tông, thước thép, máy nén bê tông 2000Kn
III.	VỮA XÂY DỰNG		
11.	Vữa tươi - kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; độ lưu động; khối lượng thể tích; khả năng giữ độ lưu động, thời gian ninh kết	TCVN 3121-1,3,6,8,9:2022 ASTM C807, C953, C1437; BS EN 1015	Cân kỹ thuật, Bộ sàng, Bàn dần, phễu rót vữa, thước thép...
12.	Vữa đã đóng rắn - khối lượng thể tích; cường độ uốn và nén; độ hút nước;	TCVN 3121-10,11,12,18: 2022; ASTM C109, C348, C349, C942, C1403, C1583; BS EN 1015;	Thước thép, Máy nén vữa 300Kn, Ghá uốn mẫu, ghá nén mẫu
IV.	CÓT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		

13.	Phân tích thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM C136 ; AASHTO T27; BS EN 933-1 BS 812 Part 103.1	Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu...
14.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu mịn	TCVN 7572-4:06 ; ASTM C127, C128 ; AASHTO T84,T85 ;BS EN 1097-6,7	Thùng ngâm mẫu, Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, tủ sấy, máy thổi...
15.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ; ASTM C127 ;AASHTO T85 ; BS EN 1097-6,7	Rọ cân trong nước, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy thổi
16.	Xác định khối lượng thể tích độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29 ; AASHTO T19 ; BS EN 1097-3,4;	Cân Kỹ thuật, thùng thể tích, chày đầm, thước gạt
17.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566; AASHTO T255; BS EN 1097-5;	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp đựng mẫu, khay đựng mẫu
18.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ; ASTM C142, C117 ; AASHTO T11, T112 ; BS EN 933-1;	Cân kỹ thuật, thùng rửa, tủ sấy, kim sắt
19.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006 ; ASTM C40 ; AASHTO T21	Cân kỹ thuật, bảng so màu, ống đong, tủ sấy, hoá chất thuốc thử, bếp cách thuỷ
20.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ; ASTM C131,C535 ; AASHTO T96	Máy Los Angeles, Cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng cốt liệu theo từng phương pháp, sàng 1.7mm, khay hứng mẫu
21.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ; ASTM D4791; EN 933-3	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, bộ sàng
22.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:2006; ASTM C142; AASHTO T112;	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng đá, Kim sắt, kim nhôm, búa con
23.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006 ; ASTM D5821	Cân kỹ thuật, bộ sàng, kính lúp...
24.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng cát, giấy nhám, đĩa thuỷ tinh

25.	Xác định giá trị cát tương đương của đất và cốt liệu mịn (Hệ số SE)	ASTM D2419; AASHTO T176; BS EN 933 - 8	Cân Kỹ thuật, tủ sấy, Ống đong 1000mm
26.	Xác định hàm lượng hạt mịn hơn 0,075mm	ASTM C117; AASHTO T11	Cân Kỹ thuật, Tủ sấy, khay đựng mẫu, Sàng 0.075mm, chậu rửa
V.	ĐẤT TRONG PHÒNG		
27.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 ; ASTM D854; AASHTO T100	Cân kỹ thuật, Tủ sấy, bếp cách cát, bình tỷ trọng, máy khuấy huyền phù...
28.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216, D4959, D4643; AASHTO T265	Cân, tủ sấy, Bình giữ ẩm, Hộp ẩm...
29.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ; ASTM D4318 ; AASHTO T89, T90; BS 1377:Part 2	Cân Kỹ thuật, tủ sấy, dụng cụ Casagrande, tấm kính mờ, dụng cụ tạo rãnh, dao bát trộn đất, sàng 0.425mm
30.	Phân tích thành phần hạt	TCVN 4198:2014 ; ASTM D1140, D422 ; AASHTO T88 ; BS 1377:Part2	Cân kỹ thuật, Tủ sấy, khay đựng mẫu, Bộ sàng đá, bộ sàng cát theo TCVN7572-2006
31.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995 ; ASTM D3080 ; AASHTO T236 ; BS 1377 : Part 2	Máy cắt phẳng Dao cắt mẫu, Khuôn đựng mẫu, dao chế bị mẫu
32.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông.	TCVN 4200:12; ASTM D2435; AASHTO T216	Máy nén đất, Dao cắt đất, bộ khuôn đựng mẫu, đồng hồ
33.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 ASTM D1557, D698; TCVN 12790:2020 AASHTO T180, T99 ; BS 1377- Part 4	Cân, tủ sấy, Bộ cối chày đầm Proctor tiêu chuẩn và cải tiến, sàng 19mm, 4.75mm, ống đong, hộp ẩm, dao cắt đất, khay đựng mẫu, thùng ngâm mẫu quá cỡ
34.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 ; ASTM D7263	Dao vòng, cân, tủ sấy, dao cắt đất...
35.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792 :2020; ASTM D1883; AASHTO T193	Máy nén CBR, cung lực, Khuôn CBR, đồng hồ thiên phân kế và các phụ kiện

36.	Xác định cường độ nén một trục nở hông	TCVN 9438:12; ASTM D2166; AASHTO T208	Máy nén, thước đo, khuôn tạo mẫu
37.	Hàm lượng hữu cơ có trong đất bằng phương pháp đốt.	ASTM D2974; AASHTO T267	Cân kỹ thuật, lò nung, cốc chịu nhiệt...
VI.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH, NGÓI, GỖM SỨ		
38.	Gạch đất sét nung- kích thước, khuyết tật ngoại quan; khối lượng thể tích; cường độ bền nén, uốn; độ hút nước	TCVN 6355:2009	Máy nén, thước đo, thùng ngâm mẫu gói uốn...
39.	Gạch bê tông tự chèn- kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ hút nước	TCVN 6476:1999; ASTM C140-18a	Máy nén, thước đo, thùng ngâm mẫu gói uốn...
40.	Gạch terrazzo – kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ bền uốn, độ hút nước, độ mài mòn, độ bền thời tiết	TCVN 7744:2013	Máy nén, thước đo, thùng ngâm mẫu gói uốn...
41.	Gạch bê tông -kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ thấm nước, cường độ bền nén, độ hút nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140-18a	Máy nén, thước đo, thùng ngâm mẫu gói uốn...
42.	Gạch bê tông nhẹ – khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 9030:2017; ASTM C567-19; ASTM C1693-09	Máy nén, thước đo, thùng ngâm mẫu gói uốn...
VII.	GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT		
43.	Đá ốp lát tự nhiên - Xác định: kích thước, độ hút nước, độ bền uốn	TCVN 4732:2016	Máy nén, thước đo, thùng ngâm mẫu gói uốn mẫu
VIII.	KIM LOẠI VÀ MÔI HÀN		
44.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; ASTM A370, B557; AASHTO T68 ; BS EN 10002; JIS Z2241	Máy kéo uốn vạn Máy cắt mẫu, thước thép, cân kỹ thuật, cưa sắt, bút sơn, Bộ gói uốn thép năng

45.	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370; JIS Z2248	Máy kéo uốn vạn ,Máy cắt mẫu, thước thép, cân kỹ thuật, cưa sắt, bút son, Bộ gôđi uốn thép
46.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010; AWS D1.1; EN 12814 : Part 1	Máy kéo uốn vạn ,Máy cắt mẫu, thước thép, , cưa sắt, bút son, Bộ gôđi uốn thép
47.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010 ; EN 12814 : Part 2; JIS Z3121	Máy kéo uốn vạn ,Máy cắt mẫu, thước thép, cân kỹ thuật, cưa sắt, bút son, Bộ gôđi uốn thép
48.	Thử kéo bu lông	ASTM F606;ASTM E488-18; ASTM A370; JIS B1186	Máy kéo uốn vạn ,Máy cắt mẫu, thước thép, và các phụ kiện
49.	Ống thép – thử kéo	TCVN 314:2008; ASTM A370	Máy kéo uốn vạn, Máy cắt mẫu, thước thép, và các phụ kiện
IX.	HẠT VẬT LIỆU LIÊN KẾT BẰNG CHẤT KẾT DÍNH		
50.	Hạt vật liệu liên kết bằng chất kết dính -cường độ kéo khi ép ché	TCVN 8862:2011	Máy nén, Khuôn đúc mẫu, Ghá ép mẫu...
51.	Đất đá gia cố chất kết dính – thành phần hạt và cấp phối hạt, đầm nén, cường độ kháng ép,cường độ kháng kéo, modun đàn hồi, độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bảo hoà – sấy	22TCN 59:84	Máy nén, Khuôn đúc mẫu, Ghá ép mẫu, buồng dưỡng mẫu
X.	BÊ TÔNG NHỰA		
52.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 ; ASTM D1559; D6927 ; AASHTO T245	Máy nén Marsall, khuôn đúc mẫu, thùng ổn nhiệt, kẹp gấp mẫu, cân, tủ sấy
53.	Xác định hàm lượng nhựa trong hỗn bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011 ; ASTM D2172 ; AASHTO T164, TP53 ; BS EN 12697 - 1	Máy chiết li tâm, cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, bát chịu nhiệt, dung môi
54.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ; ASTM C136 ; AASHTO T30	Bộ sàng bê tông nhựa, cân kỹ thuật, tủ sấy
55.	Xác định tỷ trọng lớn	TCVN 8860-4:2011; ASTM	Tủ sấy, cân, bình tỷ

	nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	D2041 ; AASHTO T209 ; BS EN 12697 - 5	trọng, khay đựng mẫu, máy hút chân không
56.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726 ; AASHTO T166	Cân kỹ thuật, rọ cân trong nước, thước kẹp, khăn lau mẫu
57.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; AASHTO T230; TCVN 13567:2022	Cân kỹ thuật, thước kẹp, khoan mẫu, dao gạt mẫu
58.	Xác định độ rỗng cốt liệu & độ rỗng dư của bê tông nhựa ở trạng thái đầm chặt	TCVN 8860-9:2011; TCVN 8860-10:2011; ASTM D3203; AASHTO T269	Chỉ tiêu tính toán
59.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Chỉ tiêu tính toán
60.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Chỉ tiêu tính toán
61.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marsall, khuôn đúc mẫu, thùng ổn nhiệt, kẹp gấp mẫu, cân, tủ sấy, đồng hồ đo thời gian
62.	Xác định độ thấm nước của Bê tông nhựa	TCVN 11634-1:2017; ASTM PS129; BS EN 12697-19	Cân kỹ thuật, khăn lau mẫu, Tủ sấy, thùng ngâm mẫu
63.	Mô đun đàn hồi, cường độ ép chế, cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 8862:11; ASTM D7369, D4123; AASHTO T283	Máy nén mẫu, khuôn tạo mẫu, thước đo, Giá uốn mẫu
XI.	NHỰA BITUM, NHỰ TƯƠNG		
64.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5 ; AASHTO T49 ;EN 1426	Máy đo độ kim lún, Thùng bảo dưỡng mẫu, kim xuyên
65.	Xác định điểm hoá mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36 ; AASHTO T53	Dụng cụ vòng và bi, bếp cách cát, nhiệt kế...
66.	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; TCVN 11710 :17 ; TCVN 11711 :17 ; ASTM D6, D1754, D2872 ; AASHTO T47, T179, T240	Cân, tủ sấy
67.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; ASTM D70 ; AASHTO T228	Cân, tủ sấy, khăn lau mẫu, thùng ngâm mẫu
68.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625, D2489 ; AASHTO T182,T195	Nồi hấp, nhiệt kế, tủ sấy, dây buộc

XII HIỆN TRƯỜNG			
69.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:71; TCVN 4202:012 ASTM D2937; TCVN12791:2020	Cân, bếp ga, hộp ẩm, khay ẩm Bộ dao đai, búa đinh, bay sắt
70.	Độ ẩm, Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06;AASHTO T91; ASTM D1556; BS 1377-9; JIS A1214;	Cân Kỹ thuật, bộ côn rót cát, hộp ẩm, khay ẩm, bếp ga, đục sắt, búa đinh
71.	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Cân Kỹ thuật, hộp ẩm, khay ẩm, bếp ga, đục sắt
72.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082	Thước 3m + nêm
73.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	Khuôn đựng cát, thước đo đường kính, dụng cụ chắn gió, chổi quét
74.	Thí nghiệm nén tải trọng tĩnh bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012 ; ASTM D4395	Tấm ép phẳng, đồng hồ đo, kích thủy lực, đồng hồ đo thời gian
XII. BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
75.	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020; AASHTO T37	Cân, tủ sấy, bộ sàng bột khoáng
76.	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197: 2012; ASTM D4318; AASHTO T89,T90; BS1377:Part 2	Sàng 0.425, tấm kính mờ, dụng cụ Casagrande

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

2.2. Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm

STT	THIẾT BỊ - KÝ MÃ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Sàng tiêu chuẩn lỗ vuông $\phi 300$ Inocxi	Trung Quốc	Cỡ lỗ: 75; 50; 40; 37,5; 31,5; 25; 20; 19; 16; 15; 12,5; 10; 9,5; 8; 5; 4,75; 4; 2,5; 2,36; 2; 1,7; 1,25; 1,18; 1; 0,3; 0,63; 0,5; 0,425; 0,315; 0,25; 0,15; 0,14; 0,1; 0,075; 0,09. Tổng cộng: 32 cái+ khay hứng và nắp sàng	Bộ	1

2	Cân kỹ thuật điện tử. Model DJ-4000TW - Ohaus. Nguồn: 220V hoặc pin 9V. Loại pin sạc	Nhật	Khả năng cân :4Kg; Độ chính xác : 0,01gr, có móc cân thủy tĩnh.	Cái	1
3	Cân kỹ thuật điện tử 15kg x0.5g. Model RC21P15 - OHAUS (Mỹ).	Trung Quốc	Khả năng: 15kg ± 0.5g Kích thước đĩa cân: 294mm x 226mm Tính năng: cân , đếm , trừ bì Nguồn điện: 220V , Adaptor	Cái	3
5	Tủ sấy 3000C. Model 101-2A Nguồn: 220V; 3KW.	Trung Quốc	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ thực và nhiệt độ cài đặt, có quạt gió đối lưu nhiệt độ lòng tủ. Kích thước trong 450 x 550 x 550mm. Kèm 02 khay đặt mẫu.	Cái	1
6	Đồng hồ bấm giây.	Trung Quốc		Cái	1
7	Khay tôn	Việt Nam	600x600x50mm	cái	5
8	Khay nhôm	Việt Nam	300x400x50mm	cái	5
9	Khay nhôm	Việt Nam	200x300x50mm	cái	10
11	Dao gạt đất	Việt Nam		cái	1
II	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG				
1	Máy nén thí nghiệm cường độ bê tông 2000KN Model: TYA-2000 Hãng sản xuất: Yuantai (Trung Quốc)	Trung Quốc	Dài đo: 0~ 2000KNSai số: đạt TCVN, ASTM.Mẫu nén max: D150xH300; 200x200x200.Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, Hiện thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén.Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha. Trọng lượng khoảng: 700kg Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm, tiêu chuẩn(Trung Quốc) Dung cho mẫu 150x150x600mm	Cái	1
2	Máy trộn bê tông. Model B150 - Nguồn: 220V; 600W.	Việt Nam	Máy trộn tự do. Dung tích thùng trộn: 140 lít; dung tích mẫu trộn: 115 lít.	Cái	1
3	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ	Việt Nam	Khuôn bằng thép ; khuôn đơn. Kích thước: f150 x 300mm.	Bộ	5
4	Khuôn đúc mẫu bê tông hình vuông 15x15x15	Việt Nam	Khuôn bằng thép ; khuôn đơn. Kích thước: f150 x 300mm.	Bộ	3
5	Khuôn Capping	Việt Nam	φ 150	cái	1
6	Đế nén mẫu BT bằng cao su	Việt Nam	φ 150	cái	1
7	Xèng cầm tay lấy mẫu Bê tông		150 mm	cái	1
III	THÍ NGHIỆM XI MĂNG - VỮA				

1	Máy nén thí nghiệm cường độ xi măng 300kN Model: TYA-300 Hãng sản xuất: LONGCHEN/SENXIN	Trung Quốc	<p>Khả năng nén lớn nhất: 300 KN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện thị kết quả điện tử - Có chức năng in kết quả - Cài đặt thời gian, kích cỡ mẫu nén, tính toán kết quả trung bình... - Áp lực lớn nhất: 25MPa - Hành trình piston: 80mm - Đường kính Piston: 125mm - Khoảng cách giữa hai tấm nén: 370mm - Kích thước tấm nén: 250x250mm - Trọng lượng khoảng: 300 Kg - Độ ồn: < 72dB - Kích thước khoảng: 860x400x1280mm - Công suất: 0.75KW - Nguồn điện: 220V/50Hz 		
2	Sàng tiêu chuẩn xác định độ mịn xi măng		Đường kính: 200; cao 50mm. Khung bằng thép mạ kẽm, lỗ mở: 0,09mm	Cái	1
3	Bình tỉ trọng Le chatelier 250ml	Trung Quốc	Xác định tỉ trọng xi măng, bình cao cổ có nút nhám	Cái	2
4	Bộ dụng cụ Vicat thí nghiệm xi măng.	Trung Quốc	Xác định thời gian đông kết của xi măng. Trọng lượng phần tác dụng lên mẫu tính cả kim 300grs. Kèm 01 khuôn; 02 tấm kính; 01 kim 10mm; 02kim 1mm và 01 kim nón.	Bộ	1
5	Khuôn Le chatelier xác định độ ổn định thể tích xi măng	Trung Quốc	Khuôn Le chatelier. Model LJ-175 - JIANYI.	Cái	3
6	Bàn dẫn quay tay xác định hàm lượng nước của xi măng.	Việt Nam	Khối lượng bàn dẫn chuyên động 3,45Kg, biên độ roi: 10mm. Kèm khuôn côn tiêu chuẩn ; thước kẹp; chày đầm mẫu..	Cái	1
7	Nồi hấp mẫu xi măng. Nguồn: 220V; 1,5KW.	Việt Nam	Thùng luộc mẫu bằng Inox dung tích 10L đốt nóng bằng điện trở; có thể tăng nhiệt đến 1000C	Cái	1
8	Máy trộn vữa xi măng tự động. Model: JJ- 55- Jianyi . Nguồn: 220VAC; 370W.	Trung Quốc	Phù hợp TC ISO 679 và TCVN 6016-1995. Bộ điều khiển cài đặt sẵn chu kỳ làm việc vữa máy . kèm 01 cối trộn; phễu cát; cánh trộn; que kiểm tra khe hở.	Cái	1

9	Máy dẫn vữa xi măng. Model ZS-15 - JIANYI - Trung Quốc. Nguồn: 220V; 70W.	Trung Quốc	Phù hợp tiêu chuẩn thí nghiệm ISO 679 và TCVN 6016-1995. Bộ điều khiển cài đặt sẵn chu kỳ làm việc của máy: 60 lần/60 giây. Kèm 02 tấm chuẩn kiểm tra chiều cao rơi của bàn dẫn và 02 dao gạt.	Cái	1
10	Khuôn đúc mẫu 40x40x160mm - Wuxi New Luda	Trung Quốc	Khuôn kép ba .Phù hợp tiêu chuẩn thí nghiệm ISO 679 và TCVN 6016- 1995.	Cái	3
11	Dụng cụ gá nén mẫu 40x40mm -Trung Quốc.		Kiểm tra giới hạn bền nén của mẫu 40 x 40 mm trên máy nén.	Bộ	1
12	Dụng cụ gá uốn mẫu 40x40mm- Wuxi New Luda - Trung Quốc		Kiểm tra giới hạn bền uốn của mẫu. 40x40 x160mm trên máy nén .	Bộ	1
13	Phễu xác định độ chảy vữa	Việt Nam		cái	1
14	Khuôn vữa	Việt Nam	10x10x10 kép 3	bộ	3
IV	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU				
1	Bình xác định hàm lượng bụi bùn sét của cát	Việt Nam	Bình trụ f120 x H320mm có 02 vòi với van khóa để cấp nước; vòi tràn.	Cái	1
2	Bảng so màu	Việt Nam	Gồm 05 màu chuẩn	Cái	1
3	Bếp cách cát. Nguồn: 220VAC; 1,5KW.	Trung Quốc	Mặt bếp bằng D 190mm, có núm điều chỉnh tốc độ gia nhiệt. Kèm đĩa nhôm.	Cái	1
4	Bộ khuôn nén đập xi lanh	Việt Nam	Khuôn bằng thép dày 5mm. Loại f75xH75 và f150 x H150mm; piston cho 02 loại xi lanh trên và tấm đế.	Bộ	1
5	Bộ thùng đong	Việt Nam	Vật liệu bằng thép , phủ sơn loại 1; 2; 5; 10; 20 Lit có đường kính bằng chiều cao.	Cái	5
6	Phễu xác định khối lượng thể tích xốp của đá	Việt Nam	Vật liệu bằng thép phủ sơn. thể tích > 25 lít.	Cái	1
7	Phễu xác định khối lượng thể tích xốp của cát.	Việt Nam	Vật liệu bằng thép phủ sơn. thể tích > 3 lít.	Cái	1
8	Bình xác định hàm lượng bụi, bùn, sét của đá.	Việt Nam	Bình trụ f250 x H350mm có 02 vòi với van khóa để cấp nước; vòi tràn	Cái	1

9	Bộ côn chày xác định độ hấp phụ nước của cát.	Việt Nam		Bộ	1
10	Dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát.	Việt Nam		Cái	1
11	Máy thí nghiệm mài mòn Los Angeles Model: ZY-5 (MH-III)	Trung Quốc	Với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử; kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, 1 khay hứng mẫu. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút; Điện áp 220VAC/1phase.	Cái	1
13	Thước kẹp cải tiến (KT hạt thời dẹt của cốt liệu lớn)			Cái	1
V	THÍ NGHIỆM ĐẤT				
1	ống Pipet			Cái	1
2	Bình tỉ trọng 100ml	Trung Quốc		Cái	3
3	ống đong 50 -100-250ml	Trung Quốc		Cái	6
4	ống đong 500ml	Trung Quốc		Cái	2
5	ống đong 1000ml	Trung Quốc		Cái	5
6	Bình tam giác 100, 250ml	Trung Quốc		Cái	4
7	Bình tam giác 1000ml	Trung Quốc		Cái	2
8	Bộ Casagrande xác định giới hạn chảy	Việt Nam	Bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đếm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ.	Bộ	1
9	Tấm kính xác định giới hạn dẻo	Việt Nam	Qui cách: 300 x 300 x 10mm.	Tấm	1
10	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm	Trung Quốc	Hộp nhôm có nắp đậy, trên nắp và thành hộp có đóng số. Đường kính 75mm x cao 70mm	Cái	30
11	Máy thí nghiệm CBR trong phòng. Model CBR-LCW-2. Nguồn: 220V, 50Hz.	Trung Quốc	Máy kiểm CBR: tốc độ tăng dần 1 - 1,27mm/phút, tốc độ giảm dần 55 mm/phút- Phạm vi làm việc của giá trị lực: 0 - 60,00kN- Đầu xuyên: đường kính đầu Φ 50 mm.- Đồng hồ so: 2 chiếc 0 - 10 mm.- Khuôn: đường kính trong Φ 152 mm, chiều cao 177,8mm- Cung lực: 1 bộ.	Cái	1
12	Bộ cối chày sứ	Trung Quốc		Bộ	1
14	Bộ khuôn CBR	Việt Nam	VIỆT NAM	Bộ	6

15	Bộ cối chày protor tiêu chuẩn.	Việt Nam	Vật liệu bằng thép mạ. Gồm: Chày đằm f50,8mm; trọng lượng 2,5Kg; hành trình rơi : 300mm. Cối f101x116mm; đế và ống dẫn	Bộ	1
16	Bộ cối chày protor tiêu chuẩn, cải tiến.	Việt Nam	Vật liệu bằng thép mạ. Gồm: Chày đằm f50,8mm; trọng lượng 4,5Kg; hành trình rơi : 450mm. Cối f152x116mm; đế và ống dẫn.	Bộ	1
17	Máy nén đất tam liên trung áp Model: WG-3B	Trung Quốc	Kèm theo: Bộ quả cân, đá thấm, dao cắt, 03 đồng hồ số 10x0,01mm.	Bộ	1
18	Máy cắt phẳng đất Model: ZJ-1A	Trung Quốc	Dùng trong phòng thí nghiệm, dùng để xác định sức chống cắt của đất Kèm: Bộ quả cân, hộp cắt, cung lực 1,2mm, 02 đồng hồ số 10x0,01mm.	Bộ	1
VI THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG					
1	Bộ Côn thử độ sụt Inocxi	Việt Nam		Bộ	2
2	Phễu rót cát.	Việt Nam	đế thép -kèm: Bình cát chuẩn bằng nhựa, tấm dung trọng hiện trường, 3 gim, túi vải.	Bộ	2
3	Bộ dao đai xác định dung trọng hiện trường	Việt Nam	Gồm ba dao bằng thép không rỉ f70 x 52mm, 01 ống dẫn và 01 tấm đế.	Bộ	1
4	Búa đinh + đục	Việt Nam		Cái	1
5	Thước 3 mét xác định độ bằng phẳng của mặt đường. Model ZSC-1 - Nanjing	Trung Quốc	Vật liệu bằng nhôm, có level nước. Thước gồm 02 đoạn dài 1,5m. Kèm thước tiêu li đo khe hở và túi da bảo quản.		
6	Cần Benkelman xác định Mô đun đàn hồi mặt đường .	Việt Nam	Cần tỉ lệ 1:2. Vật liệu bằng nhôm .Kèm 01 đồng hồ chuyển vị -Trung Quốc.		
7	Bộ ép tĩnh sử dụng kết hợp với cần Benkelman	Việt Nam	Bao gồm: tấm ép cứng D330 x 20mm; Dụng cụ gá đầu cần là ống thép D200mm; Kích thủy lực 32 Tấn (TQ) Kèm đồng hồ áp lực 600Kgf x10 Kgf (đức).		
8	Tấm ép cứng D760x20mm	Việt Nam			
9	Dụng cụ xác định độ nhám của mặt đường theo PP rắc cát	Việt Nam	Gồm ống đồng bằng đồng với thể tích tiêu chuẩn , bàn xoa bằng gỗ có đệm su và thước lá 300mm.		

IX	THÍ NGHIỆM THÉP				
1	<p>Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép Model: WA-1000B</p>	Trung Quốc	<p>Hãng sản xuất: SENXIN Lực kiểm tra tối đa (kN): 1000 Phạm vi đo lường (kN): 100~1000 Sai số: ±1% Khoảng cách kéo (mm): 700 Không gian nén (mm): 600 Đường kính kẹp mẫu phẳng (mm): 0-40 Đường kính kẹp mẫu tròn (mm): 14-45 Hành trình piston làm việc (mm): 180 Kích thước thớt nén trên và dưới (mm): Φ220×Φ230 Tổng công suất động cơ (Kw): 1.1 Điện áp: AC220V±10%,50Hz Kích thước máy chính (mm): 940×650×2080 Kích thước bộ điều khiển(mm): 530×500×1270 Trọng lượng (kg): 2400 Tiếng ồn hoạt động (dB): ≤75 Bao gồm: Khung máy chính và bộ điều khiển, 1 thớt nén dưới, 1 thớt nén trên, 03 bộ má kẹp thép; 01 bộ giá đỡ gối uốn dưới; tuy ô thủy lực</p>	Cái	1
2	Bộ gối uốn			Bộ	1
3	Máy cắt thép	Việt Nam	Máy cắt mẫu thép và mẫu bê tông lõi khoan	Máy	1
4	Thước kẹp kỹ thuật	Trung Quốc	D200 sai số 0.02mm	Cái	1
5	Thước thép	Trung Quốc	L300mm	Cái	1
VII	THÍ NGHIỆM NHỰA ĐẶC- BỘT KHOÁNG				
1	<p>Máy xác định độ kim lún tự động. Model: IV-2000 Nguồn điện: 220V, 50Hz</p>	Trung Quốc	<p>Cài đặt thời gian 0 -99,9 giây Cài đặt nhiệt độ 0 - 99,9 oC Kiểm soát nhiệt độ: Môi trường - 60oC Hiện thị nhiệt độ và độ lún của kim Có chức năng thí nghiệm thủ công, tự động và tính toán kết quả trung bình Tiêu chuẩn: TCVN, ASTM D36, T0606-2000 Trọng lượng: 12 Kg Phụ kiện đồng bộ.</p>	Bộ	1
2	Bộ khuôn bột khoáng	Việt Nam	Khuôn bằng thép D25 và D 50mm.	Cái	1

4	Kích tháo mẫu	Việt Nam	Dùng để tháo mẫu bê tông nhựa, đất có đường kính 101,6 và 152mm.	Cái	1
6	Thiết bị xác định điểm hóa mềm của nhựa. Model: LRH-1-Nanjing – Trung quốc.	Trung Quốc	Gồm cốc thủy tinh chịu nhiệt 1000ml; 02 viên bi f9,53mm ; trọng lượng 3.5gr; vòng đúc mẫu bằng đồng đặt trên giá đỡ có thể thay đổi chiều cao rơi; bếp khuấy từ có gia nhiệt	Cái	1
9	Lò nung 10000C. Model: SX2-4-10A	Trung Quốc	Kích thước trong: 300x200x120mm (7.2L) Điện áp: 220V – 4kw Độ chính xác: ±1 độ C Cài đặt nhiệt độ Nhiệt độ làm việc tối đa: 1000°C	Cái	1
VIII THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA					
1	Máy chiết nhựa quay li tâm. Model: DLC-3	Trung Quốc	Khối lượng mẫu: 3000g - Đường kính bát đựng mẫu: 280mm - Tốc độ quay: 0 -3000 V/p - Trọng lượng: 50Kg - Công suất: 550W Điện áp nguồn: 220V/50Hz.	Cái	1
2	Đảm tạo mẫu Marshall bằng tay.	Việt Nam	Trọng lượng chày: 4.536Kg; hành trình rơi: 457mm. Kèm theo 03 khuôn bê tông nhựa ; 01 ống dẫn và 01 đế khuôn.	Cái	1
3	Giò cân thủy tĩnh	Việt Nam	Qui cách: f200 x H200mm.	Cái	1
4	Nhiệt kế BTN	Hàn Quốc	0-250oC	Cái	1
5	Nhiệt kế thủy tinh	Trung Quốc	0-100oC	Cái	1
6	Khuôn Marshall	Việt Nam	Khuôn bằng thép mạ.	Cái	9
7	Chảo trộn BTN			Cái	1
8	Kẹp gấp mẫu			Cái	1
9	Bể ổn nhiệt bê tông nhựa. Model Model: CF-B. Nguồn: 220V; 1000W.	Trung Quốc	Có thể duy trì nhiệt độ của nước trong bể ở 60 oC. - Được chế tạo bằng thép không rỉ ở trong mặt đảm bảo kín nước, không rỉ. Ở mặt ngoài là thép sơn tĩnh điện đẹp mắt, bền bỉ. - Nhiệt độ max: 100 °C - Độ chính xác: ±1 độ C - Công suất: 2000W - Dung tích: 50 lít - Điện áp: 220V	Cái	1

2.3. Danh sách nhân sự để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Thâm niên trong công tác
1	2	3	4	5	6
1	Phan Xuân Thuý	1980	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư Xây dựng cầu đường - Quản lí phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Bằng nghề thí nghiệm viên - Thiết kế bê tông nhựa nóng 	Chủ tịch Hội đồng quản trị	20 năm
2	Nguyễn Văn Danh	1985	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng - Quản lí hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Bằng nghề thí nghiệm vật liệu xây dựng - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc 	Giám đốc kiêm kiêm Trưởng phòng thí nghiệm	15 năm
3	Nguyễn Chính Nghĩa	1964	- Tốt nghiệp Trung học phổ thông	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh	30 năm
4	Lê Văn Quang	1977	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư Xây dựng cầu đường - Quản lí hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng 	Phó giám đốc kiêm Phó phòng thí nghiệm	24 năm
5	Ngô Xuân Biên	1987	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Quản lí phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017 - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc 	Phó phòng thí nghiệm - Kiểm soát chất lượng hồ sơ thí nghiệm	14 năm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Thâm niên trong công tác
6	Lương Trung Đức	1992	Tốt nghiệp 12/12	- Công nhân thí nghiệm	9 năm
7	Phan Thành Danh	1986	Thí nghiệm, kiểm định vật liệu công trình giao thông	- Công nhân thí nghiệm - Thí nghiệm cơ lý trong phòng và hiện trường; - Xử lý số liệu.	15 năm
8	Lê Thị Thu Hằng	1976	Cử nhân kinh tế	- In ấn, lưu trữ hồ sơ thí nghiệm	25 năm

Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ CNC chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin tự công bố, tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo.

Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ CNC cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



CHỦ TỊCH HĐQT
Phan Xuân Thủy